

Số: 258 /PTS-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2021



PETROLIMEX

V/v: Công bố thông tin bất thường

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây
2. Mã chứng khoán: PTH
3. Địa chỉ trụ sở chính: Km 17, Quốc lộ 6, Đông Mai, Hà Đông, Hà Nội
4. Điện thoại: 024.33535228 fax: 024.33531214
5. Người công bố thông tin: Lê Tự Cường – Chủ tịch HĐQT Công ty
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây.
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây.
 - Tài liệu đã họp đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây thông qua.

Toàn văn Biên bản, Nghị quyết và tài liệu đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây được đăng tải trên website Công ty tại đường dẫn:

<http://ptshatay.petrolimex.com.vn/ndt.html>.

Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây kính báo cáo ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về nội dung công bố nêu trên.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Nơi nhận:
- Như trên.
- Lưu VT, HĐQT Cty.



CHỦ TỊCH
Lê Tự Cường

Số: 259 /PTSHT-BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2021



PETROLIMEX

BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX HÀ TÂY

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (Công ty/PTS Hà Tây) bằng hình thức trực tuyến đã được khai mạc vào hồi 8h45 ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Văn phòng Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây - Km17, QL6, phường Đông Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

A. Tham dự Đại hội:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty, các cổ đông/đại diện cổ đông PTS Hà Tây.

2. Khách mời:

- Ông: Đoàn Văn Thu - Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (Tổng công ty).

- Ông: Phạm Quang Hưng – Tổng Giám đốc Tổng công ty.

- Các Ông/Bà Trưởng phòng NV Tổng công ty.

B. Diễn biến Đại hội:

1. Báo cáo kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông:

Ông Ngô Ngọc Vĩnh – Trưởng ban kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông như sau:

1. Tổng số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự đại hội là 73 người, trong đó Đại diện phần vốn của Tổng công ty là 03 người.

2. Tổng số cổ phần của các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự đại hội là 2.996.644 cổ phần chiếm 85,54% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây.

3. Tất cả 73 cổ đông, đại diện cổ đông tham dự đại hội đều đủ tư cách cổ đông, những người đại diện cổ đông đều được ủy quyền dự họp hợp pháp bằng văn bản.



Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành. Các cổ đông hiện diện có quyền biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.

II. Nội dung Đại hội:

1. Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký, chương trình Đại hội, Thẻ lệ tham dự Đại hội cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử: 99,23 % cổ đông dự họp tán thành.

2. Đoàn chủ tịch, Thư ký Đại hội:

*** Đoàn chủ tịch Đại hội, gồm:**

- Ông Lê Tự Cường, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây - Chủ tọa Đại hội;

- Ông Nguyễn Từ Bình, ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;

- Ông Nguyễn Tiến Cường, ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây.

*** Thư ký Đại hội:**

Bà Ngô Thị Vui, Thư ký HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây.

3. Các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội:

3.1 Ông Lê Tự Cường, Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.

3.2 Ông Nguyễn Từ Bình, ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty trình bày: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020, mục tiêu định hướng và giải pháp năm 2021 của Ban quản lý điều hành Công ty; Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Công ty năm 2020; Tờ trình Phương án về quỹ tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Công ty năm 2021.

3.3 Ông Chu Đức Hậu, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty trình bày: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2020; Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021; Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.

4.3 Ông Nguyễn Tiến Cường, ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty trình bày: Tờ trình sửa đổi Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty; Tờ trình Quy chế hoạt động HĐQT Công ty; Tờ trình về việc ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu.

4. Thảo luận tại Đại hội:

Có 03 cổ đông và đại diện cổ đông có ý kiến chất vấn về các vấn đề đã được trình bày tại Đại hội. Các ý kiến chất vấn đã được Chủ tọa Đại hội giải trình đầy đủ.

5. Cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội .

5.1 Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.

5.2 Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020, mục tiêu, định hướng và giải pháp năm 2021.

5.3 Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

5.4 Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2020.

5.5 Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

5.6 Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.

5.7 Thông qua Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Công ty năm 2020 và Tờ trình Phương án về quỹ tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Công ty năm 2021.

5.8 Thông qua sửa đổi Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty.

5.9 Thông qua Quy chế hoạt động HĐQT Công ty.

5.10 Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.

5.11 Thông qua Tờ trình về việc ký kết hợp đồng mua bán xăng dầu.

6. Ông Đoàn Văn Thu, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex - Đại diện cổ đông chỉ phối phát biểu.

Biên bản này được Thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực và được các cổ đông tham dự Đại hội nhất trí thông qua.

Ông Lê Tự Cường, Chủ tọa Đại hội phát biểu bế mạc Đại hội.

Buổi họp kết thúc 11h~~30~~ cùng ngày./.



THƯ KÝ

Bà Ngô Thị Vui

CHỦ TỌA



Ông Lê Tự Cường

Số: 128/PTSHT-NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2021



NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây ngày 15/04/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây nhất trí thông qua các nội dung sau (*chi tiết các nội dung đính kèm*):

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng năm 2021.
2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty; Một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Sản lượng vận tải	M ³ .km	49.785.679	52.295.000
2	Sản lượng bán xăng dầu	M ³	26.819	27.860
3	Doanh thu	Tr đồng	424.064	474.110
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	4.650	4.880
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	3.675	3.900
6	Chia cổ tức	%	8%	8%

3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2020.
4. Tờ trình lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính Công ty năm 2021.
5. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Kính thưa: Các Quý vị cổ đông và Quý vị đại biểu!

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT), Tôi xin trình bày báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và báo cáo, đề xuất một số định hướng trong năm 2021 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Thuận lợi:

- Năm 2020, thế giới phải đối diện với những rủi ro do diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái sâu và tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm, khi phần lớn các nền kinh tế tái khởi động sau phong tỏa do dịch Covid-19, kinh tế thế giới có những dấu hiệu khả quan hơn. Kinh tế Việt Nam đã có một năm tăng trưởng đầy bản lĩnh, Chính phủ đã có những chỉ đạo quyết liệt, kịp thời để đạt được mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh hiệu quả, vừa tận dụng tốt cơ hội, nỗ lực phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới”. Do vậy, tình hình kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng nhiều từ đại dịch Covid-19.

- Hoạt động vận tải xăng dầu của Công ty được duy trì ổn định theo sự phân công thị trường vận chuyển và giá cước của Tập đoàn.

- Hoạt động kinh doanh xăng dầu được Tập đoàn/ Tổng công ty giao mức lãi gộp bán lẻ xăng dầu 6 tháng cuối năm ổn định, bảo đảm bù đắp chi phí bán lẻ các cửa hàng. Năm 2020, công ty tận dụng cơ hội các thời điểm tăng giá xăng dầu những tháng cuối năm để có lợi nhuận chênh lệch giá hàng tồn kho.

- Được Tập đoàn hỗ trợ nguồn vốn kinh doanh với lãi suất ưu đãi giúp Công ty chủ động và hiệu quả hơn trong công tác tài chính.

2. Khó khăn:

2.1. Trong hoạt động kinh doanh vận tải

- Tác động của nghị định 100 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và ảnh hưởng của dịch Covid-19 phải thực hiện giãn cách xã hội và hạn chế các hoạt động dịch vụ dẫn đến nhu cầu tiêu thụ xăng dầu giảm, sản lượng vận tải xăng dầu cũng bị ảnh hưởng giảm theo.

- Thị trường vận tải chịu sự cạnh tranh với các đơn vị tư nhân, sản lượng vận chuyển cho các đại lý, khách hàng sụt giảm do Công ty xăng dầu thuê xe của tư nhân vận chuyển. Vận tải cho bán khác năm 2020 chỉ bằng 76% năm 2019.

- Các chi phí đầu vào của hoạt động vận tải gia tăng trong các năm qua như chi phí tiền lương, bảo hiểm xã hội, phí đường bộ, các khoản chi phí phát sinh do thực hiện các quy định mới của Nhà nước về điều kiện kinh doanh vận tải xăng dầu, đặc biệt năm 2020 các chi phí phát sinh trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, làm gia tăng giá thành vận tải trong khi Tập đoàn không điều chỉnh tăng cước, chỉ điều chỉnh theo biến động giá nhiên liệu.

- Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/08/2019 của Bộ GTVT thay thế TT số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015, theo đó đã hạn chế tốc độ xe ô tô xi téc so với trước đây (giảm 20km/h), áp dụng từ 15/10/2019, cũng là yếu tố làm giảm năng suất hoạt động của phương tiện vận tải.

- Hoạt động vận chuyển xăng dầu tái xuất sang Lào gặp khó khăn do Petrolimex Lào bị ảnh hưởng dịch Covid-19 phải cách ly khi xuất, nhập cảnh, phương tiện vận tải phải chờ đợi nhiều gây lãng phí ngày xe, công ty phải bù lương.

2.2. Trong hoạt động kinh doanh xăng dầu

- Cạnh tranh trong kinh doanh xăng dầu diễn ra gay gắt giữa các đầu mối và TNPP, số lượng cửa hàng xã hội phát triển nhanh và có các cơ chế giảm giá để thu hút khách hàng. Việc cạnh tranh còn ở nguồn hàng không rõ nguồn gốc với mức chiết khấu cao.

- Lãi gộp xăng dầu trong 6 tháng đầu năm ở mức thấp, cùng với nhiều lần giảm giá xăng dầu với biên độ cao nên ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

- Việc đầu tư xây dựng mới CHXD trên địa bàn Hà Nội rất khó khăn do các thủ tục phức tạp, chi phí thủ tục và tiền đền bù đất phát sinh rất lớn.

- Công ty chấm dứt bán NQTM theo chỉ đạo của Tập đoàn XDVN, sản lượng bán giảm.

Trước tình hình đó, HĐQT công ty đã tích cực, chủ động đưa nhiều giải pháp hữu hiệu, đồng bộ và tăng cường chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Công ty vượt qua những khó khăn thách thức, để hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020:

1. Kết quả SXKD năm 2020

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2020 như sau:

- Tổng sản lượng vận tải xăng dầu đạt 49,8 triệu m³.km bằng 102,4% kế hoạch và giảm 4,7% so với năm 2019 chủ yếu do vận chuyển xăng dầu tái xuất Lào giảm 68,8% so với TH năm 2019 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và Petrolimex Lào gặp khó khăn về tài chính.

- Tổng sản lượng bán xăng dầu đạt 26.819 m³ bằng 108% kế hoạch và 81% so với TH năm 2019. Trong đó bán lẻ là 25.500 m³ đạt 105% kế hoạch, bằng 100% so

với TH năm 2019. Sản lượng bán NQTM giảm 83% so với TH năm 2019. Lý do: Công ty đã thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn dừng bán nhượng quyền TM từ 01/01/2020.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 4.650 triệu đồng đạt 108,8% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế: 3.675 triệu đồng bằng 79,4% so với thực hiện năm 2019.

- Thu nhập bình quân cho người lao động là 10.887.000 đồng/người/tháng, tăng 18% so với năm 2019.

- Tỷ lệ trả cổ tức 8% đạt 100% kế hoạch.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối mọi mặt hoạt động của Công ty, tình hình tài chính lành mạnh.

2. Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2020, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát tình hình thực tế của công ty để triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đã đưa ra và triển khai nhiều giải pháp phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ.

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức họp 05 phiên để quyết định các nội dung thuộc chức trách, nhiệm vụ. Một số công việc chính HĐQT đã thực hiện như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác trình Đại hội đồng cổ đông 2020 thông qua.

- Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng quý và năm 2020.

- Chỉ đạo thực hiện trả cổ tức năm 2019 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu.

- Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex để quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của Công ty.

- Quyết định đầu tư 02 xe ô tô xitec với tổng trị giá 4.797 trđ để thay thế các xe hết niên hạn sử dụng.

- Chỉ đạo, định hướng phát triển kinh doanh dịch vụ hàng hóa khác ngoài xăng dầu.

- Chỉ đạo các giải pháp để giữ các cửa hàng xăng dầu công ty đang thuê và xin thủ tục dự án đầu tư xây dựng mới cửa hàng xăng dầu.

- Chỉ đạo tổ chức hội nghị hội nghị tổng kết công tác năm 2020 và hội nghị người lao động năm 2021.

- Chỉ đạo, định hướng công tác xây dựng kế hoạch năm 2021 và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

3. Công tác giám sát đối với Giám đốc và người quản lý.

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi sát sao hoạt động của Giám đốc và người quản lý khác, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động điều hành của Giám đốc, các thành viên Ban giám đốc Công ty.

HDQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Giám đốc thông qua đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2020, quyết định những mục tiêu cụ thể và đề ra các chủ trương, định hướng và giải pháp trọng tâm để Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

Trong năm 2020, theo chỉ đạo của HDQT, Ban điều hành đã chỉ đạo quyết liệt và thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ. Nhiều mặt hoạt động của Công ty được đặc biệt quan tâm như: công tác đầu tư; tiết giảm, sử dụng hợp lý chi phí; rà soát, ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật; quản lý chặt chẽ công nợ, bảo đảm an toàn tài chính và hiệu quả kinh doanh.

Nhìn chung năm 2020, Giám đốc, các thành viên Ban giám đốc và người quản lý Công ty đã thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HDQT. HDQT ghi nhận và đánh giá cao những thành tích và kết quả điều hành sản xuất kinh doanh năm 2020 của Ban Giám đốc Công ty.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên HDQT năm 2020

1/ Ông Lê Tự Cường – Chủ tịch HDQT: Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; năm 2020 đã cùng với tập thể HDQT chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ và Tổng công ty giao, bảo đảm an toàn về mọi mặt hoạt động; chấp hành tốt các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết và quyết định của HDQT.

Chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty thông qua các công việc như: Chỉ đạo công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD; chỉ đạo công tác rà soát để ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật; sửa đổi, bổ sung và ban hành các Quy chế quản lý nội bộ; chỉ đạo và giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền của HDQT; công tác tổ chức, lao động, tiền lương; chỉ đạo thực hiện các công việc khác theo đúng Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2/ Ông Nguyễn Tử Bình - Ủy viên HDQT, Giám đốc công ty (bổ nhiệm ngày 18/9/2020): Tham dự đầy đủ các cuộc họp HDQT, tham gia ý kiến đầy đủ các lần HDQT công ty tổ chức lấy ý kiến các thành viên HDQT bằng văn bản. Hoàn thành tốt công việc chỉ đạo, điều hành hoạt động hằng ngày của công ty và các công việc được HDQT phân công cụ thể như: Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo hoạt động kinh doanh vận tải; công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí; các công việc khác do HDQT phân công.

3/ Ông Vũ Quang Tuấn - Ủy viên HDQT công ty: Tham dự đầy đủ các cuộc họp HDQT, tham gia ý kiến đầy đủ các lần HDQT công ty tổ chức lấy ý kiến các thành viên HDQT bằng văn bản. Hoàn thành tốt mọi chức trách nhiệm vụ được phân công, cụ thể: Trực tiếp chỉ đạo, giám sát hoạt động vận tải, kinh doanh xăng dầu giữa Công ty với Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình; hoàn thành các nhiệm vụ khác do HDQT phân công.

4/ Ông Nguyễn Tiến Cường - Ủy viên HDQT: Tham dự đầy đủ các cuộc họp HDQT, tham gia ý kiến đầy đủ các lần HDQT công ty tổ chức lấy ý kiến các thành viên HDQT bằng văn bản. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ do HDQT phân công, cụ

thê: Trực tiếp chỉ đạo, điều hành công tác kinh doanh xăng dầu, kinh doanh các hàng hóa, sản phẩm dịch vụ khác của Petrolimex; công tác phát triển cửa hàng xăng dầu; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra; công tác tiền lương và chính sách, chế độ người lao động; công tác thi đua khen thưởng; hoàn thành các nhiệm vụ khác do HĐQT phân công.

5/ Ông Bùi Trung Định - Ủy viên HĐQT: Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến đầy đủ các lần HĐQT công ty tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản; hoàn thành các nhiệm vụ do HĐQT phân công. Theo dõi, giám sát thị phần vận tải Tổng công ty giao cho công ty vận chuyên; công tác phát triển thị trường vận tải; các nhiệm vụ khác do HĐQT phân công.

6. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Tiền lương, thù lao của HĐQT được thực hiện theo đúng quy định của Nhà Nước, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Tổng tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT năm 2020 là 1.151 triệu đồng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2021

Tình hình kinh doanh của công ty năm 2021 dự báo không có nhiều thay đổi so với năm 2020, vẫn phải chịu nhiều áp lực khó khăn do thị trường kinh doanh xăng dầu và vận tải xăng dầu sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt, chi phí đầu vào kinh doanh vận tải phát sinh tăng. Ngoài ra do vẫn tiếp tục ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên sản lượng bán xăng dầu, vận tải xăng dầu các tháng đầu năm 2021 của công ty bị giảm sút.

Xuất phát từ bối cảnh đó, HĐQT Công ty đề ra định hướng kế hoạch và giải pháp trọng tâm cho năm 2021 như sau:

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản

- Sản lượng vận tải xăng dầu: 52,2 triệu m³.km, tăng 5% so với thực hiện năm 2020.

- Sản lượng bán xăng dầu: 27.860 m³. Trong đó: Bán lẻ 26.500 m³, tăng 4% so với thực hiện năm 2020. Bán buôn 1.360 m³.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 4.880 triệu đồng, tăng 5% so với thực hiện năm 2020.

- Trả cổ tức 8%, bằng 100% so với thực hiện năm 2020.

- Tiền lương bình quân 10 triệu đồng/người/tháng.

- Nộp ngân sách nhà nước 7.580 triệu đồng.

2. Các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm

2.1. Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD là mục tiêu hàng đầu, tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, công tác bảo đảm an toàn giao thông, công tác an ninh, an toàn tại các CHXD và phương tiện vận tải xăng dầu;

2.2. Triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD;

2.3. Chỉ đạo tổ chức tốt hoạt động SXKD, phát triển thị trường, khách hàng, tăng hiệu quả, chất lượng dịch vụ; tổ chức tốt công tác vận tải để giảm giá thành; gia tăng sản lượng, năng suất lao động; đẩy mạnh phát triển kinh doanh hàng hoá khác.

2.4. Cơ cấu lại phương tiện vận tải cho phù hợp để nâng cao hiệu suất sử dụng phương tiện, tăng năng suất, hạ giá thành vận tải. Chỉ đạo tiếp tục triển khai các thủ tục dự án đầu tư mới của hàng xăng dầu.

2.5. Chỉ đạo hoàn thiện và ứng dụng có hiệu quả phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP của công ty.

2.6. Chỉ đạo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh;

Kính thưa các Quý vị cổ đông và các Quý vị đại biểu,

Nhìn chung năm 2020 hoạt động SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự đoàn kết và nỗ lực cao, HĐQT đã triển khai tích cực, đầy đủ, kịp thời và có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ giao.

Thay mặt HĐQT, Tôi xin trân trọng cảm ơn Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex (công ty mẹ) đã quan tâm và tạo điều kiện giúp đỡ Công ty; đồng thời cũng xin được cảm ơn các Quý vị Cổ đông, các đối tác, khách hàng đã tin tưởng và ủng hộ Công ty trong những năm qua. Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, HĐQT và Ban điều hành công ty phát huy tinh thần trách nhiệm, nâng cao tính chủ động sáng tạo để phấn đấu hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 đã đề ra.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin kính chúc các Quý vị cổ đông và Quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Lê Tự Cường



PETROLIMEX

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020, MỤC TIÊU ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2021 CỦA BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

Kính thưa Các Quý vị cổ đông!
Kính thưa các Quý vị đại biểu!

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 trong bối cảnh rất nhiều khó khăn, thách thức, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều bất lợi, nhưng được sự hỗ trợ của Tổng công ty, cùng với sự vào cuộc của các tổ chức chính trị Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên kết hợp với sự nỗ lực cố gắng của toàn thể CBCNV, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ kế hoạch được ĐHĐCĐ giao.

I/ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020

1. Kết quả kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)
1	Sản lượng thực hiện:				
	- Sản lượng vận tải	M ³ km	52.222.347	49.785.679	95,3
	- Sản lượng bán XD	M ³	33.074	26.819	81
2	Doanh thu thuần	Tr.đ	625.860	424.064	67,7
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.818	4.650	79,9
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.627	3.675	79,4
5	Tổng giá trị đầu tư	Tr.đ	16.355	4.956	30,3

Thuyết minh:

1.1. Về kinh doanh vận tải:

a) Tổng sản lượng vận tải XD năm 2020 đạt 49.785.679 m³.km bằng 102,4% KH và 95,3% cùng kỳ. Trong đó:

+ Vận chuyển cho Công ty XD Hà Sơn Bình đạt 28.263.382 m³.km, bằng 98,5% cùng kỳ.

+ Vận chuyển cho Công ty XD Điện Biên đạt 11.770.702 m³.km, bằng 103,3% cùng kỳ.

+ Vận chuyển xăng dầu tái xuất Lào đạt 1.120.430 m³.km, bằng 31,2% cùng kỳ do Petrolimex Lào khó khăn về tài chính và nhập nguồn từ Thái Lan.

+ Vận chuyển cho Công ty XD Hà Nam Ninh đạt 6.391.477 m³.km bằng 100% cùng kỳ.

+ SL vận chuyển nội bộ, khác đạt 2.229.827 m³.km.

b) Về phương tiện vận tải và hiệu quả khai thác phương tiện:

- Tính đến thời điểm cuối năm 2020, tổng phương tiện toàn công ty là 102 xe tương ứng tổng dung tích 1.645 m³ (dung tích bình quân là 16,1m³);

- Năng lực vận chuyển tối đa có thể đạt được là 65 triệu m³.km vì vậy cân đối với nhu cầu vận chuyển của năm 2020 thì công ty mới chỉ khai thác 76% năng lực;

- Hệ số ngày xe tốt trên tổng số ngày xe có là 0,99;

- Hệ số ngày xe vận doanh là 0,76;

- Cự ly vận chuyển bình quân ngày đêm là 203 km/ngày đêm;

- Cự ly vận chuyển bình quân có hàng là 100 km;

- Năng suất phương tiện là 29.785 m³.km/m³ xe.

c) Doanh thu vận tải năm 2020 đạt 93 tỷ đồng bằng 89,4% so với TH 2019.

d) Lợi nhuận vận tải trước thuế đạt 2.482 triệu đồng đạt 109% KH và bằng 87% so với năm 2019.

1.2. Kinh doanh xăng dầu:

- Tổng sản lượng xuất bán năm 2020 đạt 26.819 m³ bằng 108% KH và 81% cùng kỳ. Trong đó:

+ Bán lẻ: 25.500 m³ bằng 105% kế hoạch và 100% cùng kỳ.

+ Bán buôn, nhượng quyền TM: 1.319 m³ bằng 264% kế hoạch và 17% cùng kỳ. Lý do: Công ty đã thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn dừng bán nhượng quyền TM từ 01/01/2020.

Dịch bệnh Covid-19 đã tác động chủ yếu đến nhu cầu tiêu dùng xăng dầu, Tập đoàn nhiều thời điểm thiếu nguồn hàng đặc biệt là tháng 4 & 5 ảnh hưởng lớn đến sản lượng bán lẻ xăng dầu. Tuy nhiên các cửa hàng của công ty đã nỗ lực để hoàn thành kế hoạch được giao, có 05 CHXD đạt kế hoạch và vượt kế hoạch đó là:

- CHXD Quát Động đạt 108% kế hoạch và 112% cùng kỳ;

+ CHXD Tân Dân đạt 101% kế hoạch và 107% cùng kỳ;

+ CHXD Tri Thủy đạt 103% kế hoạch và 108% cùng kỳ;

+ CHXD Phượng Dực đạt 101% kế hoạch và 106% cùng kỳ;

+ CHXD Việt Zin đạt 104% kế hoạch và 110% cùng kỳ.

- Năng suất bán lẻ xăng dầu BQ đạt 28,3 m³/người/tháng, tăng 4,4% so với 2019 (27,1m³), thấp hơn NSLĐ bình quân toàn Tổng công ty (33,4 m³/người/tháng). Nguyên nhân là các CHXD trên địa bàn tỉnh Hoà Bình năng suất thấp do điều kiện địa lý, kinh doanh khó khăn đã kéo theo NSLĐ toàn công ty giảm, địa bàn Hà Nội NSLĐ vẫn cao hơn bình quân toàn Tổng công ty. Cụ thể:

+ CHXD Đông Mai NSLĐ BQ 49,3 m³/ng/th.

- + Các CHXD trên địa bàn Hà Nội NSLĐ BQ 35,2 m³/ng/th.
- + Các CHXD trên địa bàn tỉnh Hòa Bình NSLĐ BQ 16 m³/ng/th.
- Thu lao/lãi gộp bán lẻ BQ năm 2020 là 856 đ/lit (bao gồm cả yếu tố giá vùng 2 và chênh lệch giá hàng tồn kho do tăng, giảm giá XD).
- Lợi nhuận KDXD trước thuế đạt 1.747 trđ đạt 116% KH và bằng 80% so với năm 2019.

1.3. Sản lượng, doanh thu kinh doanh hàng hóa khác:

- Dầu mỡ nhờn: 143 m³, bằng 110% kế hoạch và 112% cùng kỳ
- Gas : 16,9 tấn, bằng 85% kế hoạch và 79% cùng kỳ
- Nước giặt: 4.626 hộp, bằng 116% kế hoạch và 122% cùng kỳ
- Doanh thu bảo hiểm: 2.827 triệu, bằng 99% kế hoạch và 87% cùng kỳ

1.3. Lợi nhuận khác: 421 trđ

2. Đánh giá tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	Trđ	124.194	102.576	-17,5%
Doanh thu thuần	Trđ	625.860	424.060	-32,3%
Lợi nhuận từ HĐKD	Trđ	5.342	4.506	-15,7%
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	5.818	4.650	-20,1%
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	4.627	3.674	-20,6%
Tỷ lệ trả cổ tức	%	10%	8%	-20%

(Số liệu BCTC đã kiểm toán tại thời điểm 31/12 hàng năm).

2.1 Tình hình tài sản: Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31.12.2020 là 102.576 triệu đồng, giảm 17,5% so với năm 2019. Trong đó: Tài sản ngắn hạn giảm 14,5 tỷ; tài sản dài hạn giảm 7 tỷ.

2.2 Tình hình nợ phải trả: Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31.12.2020 là: 52.352 triệu đồng, giảm tuyệt đối 20.665 triệu đồng, tương ứng giảm 28,4% so với năm 2019 do trong năm Công đã trả một phần tiền ký cược cho lái xe.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,59	0,51
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,43	1,04
Hệ số Nợ ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,36	0,1

2.3. *Tình hình nợ phải thu khách hàng:* tại thời điểm 31.12.2020 là 10.151 triệu đồng, giảm 2.652 triệu đồng so với đầu năm.

2.4. *Khả năng thanh toán:*

Chi tiêu về khả năng thanh toán	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020
Hệ số thanh toán nhanh	0,59	0,37
Hệ số thanh toán hiện hành	0,88	0,66

Hệ số thanh toán hiện hành nhỏ hơn 1 và hệ số thanh toán nhanh nhỏ hơn 0,5 Công ty gặp đôi chút khó khăn trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên vẫn duy trì khả năng thanh toán ở mức an toàn.

2.5. *Khả năng sinh lời:*

Chi tiêu tài chính	Thực hiện năm 2019 (%)	Thực hiện năm 2020 (%)
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,74	0,8
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	9	7,3
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	3,7	3,5
Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	0,85	1

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần năm 2020 cao hơn năm 2019 do: Doanh thu bán xăng dầu năm 2020 thấp hơn năm 2019 chủ yếu do giá bán xăng dầu giảm và sản lượng bán xăng dầu (bán buôn, nhượng quyền) giảm, chính sách lãi gộp bán xăng dầu được giữ ổn định;

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE) năm 2020 thấp hơn năm 2019 do tác động của dịch Covid-19 và Công ty dừng bán NQTM từ 01/01/2020 theo chỉ đạo của Tập đoàn.

2.6. *Những thay đổi về vốn cổ đông, cổ phần và cơ cấu vốn:*

Năm 2020, Vốn cổ đông, cổ phần và cơ cấu vốn không thay đổi. Vốn điều lệ là 35.031.640.000 đồng. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 3.503.164 cổ phiếu tương ứng với vốn điều lệ là 35.031.640.000 đồng, trong đó:

- Vốn góp của Tổng công ty dịch vụ xăng dầu Petrolimex: 17.867.130.000 đồng chiếm tỷ lệ 51%.

- Các cổ đông khác: 17.164.510.000 đồng chiếm tỷ lệ 49%.

3. *Công tác đầu tư CSVCKT:*

TT	Hạng mục đầu tư	Khối lượng TH	KH 2020 (trđ)	TH 2020 (trđ)	TH/KH (%)
	Tổng giá trị đầu tư:		2.400	4.956	206,5
1	Xe ô tô sitec chở xăng dầu (năm trước chuyển qua)	01		2.655	
2	Xe ô tô sitec chở xăng dầu	01	2.400	2.142	89,2
3	Cột bơm XD	01		159	

4. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương

a) Công tác tổ chức:

- Để phù hợp với tình hình kinh doanh khi không còn được bán xăng dầu theo phương thức nhượng quyền thương mại, Công ty đã giải thể Cửa hàng kinh doanh tổng hợp trực thuộc kê từ ngày 13/02/2020 và thành lập Tổ kinh doanh tổng hợp trực thuộc Phòng thương mại công ty thực hiện bán buôn xăng dầu và các mặt hàng ngoài xăng dầu: Dầu mỡ nhờn, Gas, nước giặt, bảo hiểm...

- Thực hiện tách chức danh Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty theo quy định của nghị định 71: Ông Lê Tự Cường thôi kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc công ty từ 18/09/2020, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT công ty; Bổ nhiệm Ông Nguyễn Từ Bình giữ chức vụ Giám đốc công ty thời hạn 5 năm kể từ 18/09/2020.

- Bổ nhiệm mới Phó trưởng phòng QLKT.

- Bổ nhiệm lại Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính, Trưởng phòng KTTH Chi nhánh PTS Hoà Bình, Đội trưởng Đội vận tải số 2.

b) Tình hình lao động:

- Số lao động tại thời điểm 01/01/2020 là: 276 người.

- Số lao động đến ngày 31/12/2020 là 267 người.

Số lao động giảm 9 người.

c) Tiền lương và thu nhập:

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Công ty đã thực hiện giảm 15% lương của Chủ tịch HĐQT và Giám đốc, giảm 10% lương của người quản lý công ty.

- Thu nhập bình quân: 10,887 triệu đồng/người/tháng, bằng 129% kế hoạch và 118% cùng kỳ.

5. Công tác quản trị nội bộ:

- Công ty đã rà soát, ban hành mới, ban hành lại hệ thống các quy chế, quy định nội quy phù hợp với các quy định của Nhà Nước, Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex và tình hình thực tiễn của công ty.

- Công ty luôn chú trọng công tác quản trị chi phí, tiếp tục khảo sát, phân tích đánh giá và sửa đổi các định mức chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa, định ngạch xăng lốp... cho phù hợp và đồng nhất trong toàn hệ thống PTC.

- Xây dựng phương án chuyển đổi từ cơ chế khoán chi phí vận tải sang hình thức quản lý theo định ngạch để tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, chi phí cải tạo sửa chữa, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra sát sao công tác an toàn kỹ thuật, an toàn PCCC, BVMT và an toàn VSLĐ. Nâng cao ý thức trách nhiệm chấp hành quy định của pháp luật, nội quy quy chế và của công ty, bảo đảm an toàn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã tiến hành kiểm tra định kỳ các CHXD thuộc công ty và Chi nhánh PTS Hoà Bình từ 26/10/2020 đến 06/11/2020 và chỉ đạo sau kiểm tra tại văn bản số 229/PTSHT-VBCĐ và văn bản số 230/PTSHT-VBCĐ ngày 20/11/2020. Thông qua đó để chấn chỉnh, quản triệt và hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng các quy định quản lý nội bộ.

- Công ty đã triển khai dự án phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP (bao gồm phân hệ KTTTC, thương mại, vận tải) từ tháng 9/2020 và ứng dụng từ 01/01/2021 nhằm nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp.

6. Công tác an toàn, PCCC, bảo vệ môi trường:

- Nhiệm vụ đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình sản xuất kinh doanh được đặt lên hàng đầu. Công ty luôn quan tâm chỉ đạo các đơn vị cơ sở tăng cường công tác an toàn: ATVSLĐ, BVMT, PCCC, an toàn tiền hàng, thực hiện tốt các quy định, quy chế thông qua công tác tuyên truyền, kiểm tra và đào tạo.

- Trong năm công ty đã thực hiện đào tạo về nghiệp vụ ATVSLĐ cho 267 người; đào tạo về PCCC cho 219 người; đào tạo về nghiệp vụ BVMT cho 70 người; đào tạo nghiệp vụ vận tải cho 107 người. Tổng kinh phí đào tạo là 231 triệu đồng.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất xe ô tô xi téc về công tác đảm bảo an toàn kỹ thuật, kết cấu xi téc và chấp hành các quy định của Pháp luật, của Công ty; kiểm tra và cấp giấy phép đủ điều kiện vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy nổ đối với toàn bộ xe ô tô xitec. Các xe vận hành đều được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đúng quy định, qua đó thường xuyên theo dõi, kiểm tra giám sát và nhắc nhở lái xe chấp hành quy định pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ tại các cửa hàng xăng dầu để chấn chỉnh công tác đảm bảo an toàn PCCC và bảo vệ môi trường, bổ sung hệ thống chống sét, dụng cụ PCCC; hoàn thiện hồ sơ bảo vệ môi trường theo quy định tại các đơn vị trong toàn công ty gồm hợp đồng thu gom rác thải nguy hại, đo quan trắc môi trường định kỳ.

- Công ty thường xuyên quán triệt đối với người lao động về việc chấp hành các quy định của Pháp luật đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông, số các vụ việc tai nạn đã giảm nhiều.

- Tham gia hội thảo trao đổi kiến thức về an toàn giao nhận vận tải xăng dầu, xử lý sự cố... do Tổng công ty phối hợp với Công ty TNHH JXEV Holdings (Nhật Bản) tổ chức cho các cán bộ nhân viên tại Tổng công ty, Công ty Petajico Hà Nội và PTS Hà Tây. Hội thảo đã góp phần bổ sung kiến thức để làm tốt hơn nữa công tác an toàn, giảm tối đa những sự cố, rủi ro cho công ty.

7. Công tác an sinh xã hội:

- Công ty thường xuyên tranh thủ ý kiến chỉ đạo của cấp ủy Đảng, phối hợp với các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng tham gia chỉ đạo điều hành mọi mặt hoạt động của công ty để góp phần thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, đảm bảo tiền lương, thu nhập, đời sống, việc làm và các chế độ tốt nhất cho người lao động.

- Thực hiện an sinh xã hội năm 2020, Công ty đã chi từ quỹ phúc lợi để ủng hộ các quỹ, các cuộc vận động của tổ chức, đoàn thể với tổng số tiền là 152.000.000 đồng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021 VÀ CÁC GIẢI PHÁP

1. Tình hình:

Bước sang năm 2021 đã có những tín hiệu lạc quan trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên thế giới khi vacxin bắt đầu được triển khai tiêm tại nhiều nước. Trong nước dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát khá tốt góp phần làm tăng trưởng kinh tế phục hồi mạnh mẽ vào quý 4 năm 2020 và tiếp tục kéo theo trong những tháng đầu năm 2021. Nhu cầu đi lại, tiêu dùng xã hội, vận tải trong nước trong đó có hàng không từng bước được phục hồi báo hiệu nhu cầu xăng dầu sẽ tăng.

Nghị định 83 sửa đổi có hiệu lực sẽ có hướng mở hơn khi cho phép nhiều thành phần kinh tế tham gia kinh doanh xăng dầu, quy mô, điều kiện đối với Cửa hàng bán lẻ xăng dầu cũng được nới lỏng... sẽ tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường kinh doanh xăng dầu Việt Nam.

Trên cơ sở đó, Công ty PTS Hà Tây đề ra những chỉ tiêu kế hoạch cơ bản và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cho năm kế hoạch 2021 như sau:

2. Các chỉ tiêu chính kế hoạch năm 2021:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch Năm 2021	So với TH 2020 (%)
1	Sản lượng kinh doanh chính:			
1.1	Sản lượng vận tải bộ	m ³ .km	52.295.000	105

1.2	Sản lượng bán xăng dầu	m ³	27.860	104
	- Bán lẻ		26.500	104
	- Bán buôn, nhượng quyền		1.360	103
1.3	Dầu mỡ nhờn	Tấn	150	104,2
1.4	Nước giặt	Chai	5.100	110,2
1.5	Bảo hiểm	Tr.đồng	3.000	106,1
1.6	Gas	Tấn	19	111,8
2	Doanh thu	Tr.đồng	474.110	112
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.880	105
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	3.900	105
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8	100
6	Tổng giá trị đầu tư trong kỳ	Tr.đồng	8.598	173
7	Nộp ngân sách	Tr.đồng	7.580	100
8	Số lượng lao động	Người	268	100
9	Thu nhập BQ theo nguồn lương	Tr.đồng	10	102
10	Tổng nguồn lương	Tr.đồng	32.150	105,5

3. Một số giải pháp trọng tâm:

Trên cơ sở chủ trương, định hướng của Tập đoàn, Tổng công ty và định hướng kế hoạch năm 2021, Công ty đặt ra nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

3.1. Công tác an toàn:

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền luật phòng chống tác hại của rượu bia để toàn thể người lao động, đặc biệt là đội ngũ lái xe không uống rượu bia khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông. Tuyên truyền, giáo dục lái xe nâng cao kiến thức và kỹ năng lái xe an toàn, ý thức về đạo đức nghề nghiệp, văn hóa giao thông của người lái xe.

- Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD; tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, công tác an toàn tiền hàng, công tác bảo đảm an ninh, an toàn giao thông, an toàn tại các cửa hàng xăng dầu.

- Tổ chức thường xuyên các chương trình đào tạo công tác an, để đảm bảo không xảy ra bất kỳ sự cố về cháy nổ, về ATVSLĐ và BVMT, đảm bảo tuyệt đối an toàn về tài sản và con người.

- Tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ, xét nghiệm các chất gây nghiện đối với lao động lái xe. Xử lý nghiêm các lái xe biểu hiện nghiện ma túy, sử dụng các chất gây nghiện trong danh mục cấm sử dụng.

3.2. Công tác kinh doanh:

- Chủ động, linh hoạt, nhạy bén thích ứng với biến động của thị trường và cơ chế kinh doanh để đạt được mục tiêu kinh doanh; nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua tiết giảm chi phí và sử dụng nguồn lực hợp lý.

- Chú trọng công tác văn minh thương mại và giữ gìn uy tín thương hiệu Petrolimex, thương hiệu công ty. Tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm không ngừng nâng cao chất lượng vận tải, nâng cao phong cách và chất lượng phục vụ của lực lượng công nhân lái xe.

- Tổ chức tốt công tác vận tải xăng dầu bảo đảm nguồn cho các đơn vị được Tập đoàn giao nhiệm vụ, khai thác thêm nhu cầu vận tải ngoài nhiệm vụ.

- Kinh doanh xăng dầu các đơn vị cần phải năng động, sáng tạo trong kinh doanh, chủ động bám sát thị trường; tổ chức tốt công tác lập đơn hàng và bảo đảm nguồn để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Tăng cường các giải pháp tiếp thị, cơ chế bán hàng nhằm thu hút khách hàng ở cửa hàng. Đồng thời nâng cao văn minh thương mại phục vụ tốt khách hàng, thực hiện cơ chế thường khuyến khích đối với cửa hàng để gia tăng sản lượng bán lẻ, nâng cao năng suất lao động

- Tiếp tục triển khai toàn bộ các cửa hàng của Công ty về nhận diện thương hiệu Petrolimex, thực hiện tốt 5S tại cửa hàng theo hướng dẫn của Tổng công ty.

- Đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngành.

3.3. Công tác tài chính:

- Sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của Tập đoàn và vốn vay để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đặc biệt là thời điểm khi cần tăng tồn kho hàng hoá.

- Tăng cường công tác kiểm soát công nợ, bảo đảm an toàn tài chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.

3.4. Công tác quản trị nội bộ:

- Rà soát để bổ sung hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty phù hợp với các quy định mới của Nhà nước, Tập đoàn và Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex.

- Tiếp tục rà soát, khảo sát các định mức chi phí vận tải đảm bảo hợp lý để nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời tạo động lực cho lái xe, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác phương tiện

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cơ sở đảm bảo an toàn tuyệt đối mọi mặt trong hoạt động SXKD, đồng thời tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Khai thác tốt ứng dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP để kịp thời đưa ra những quyết định chính xác về công tác quản trị.

- Chủ động, linh hoạt, nhạy bén thích ứng với biến động của thị trường và cơ chế kinh doanh để đạt được mục tiêu kinh doanh; nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua tiết giảm chi phí và sử dụng nguồn lực hợp lý.

- Chủ trọng công tác văn minh thương mại và giữ gìn uy tín thương hiệu Petrolimex, thương hiệu công ty. Tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm không ngừng nâng cao chất lượng vận tải, nâng cao phong cách và chất lượng phục vụ của lực lượng công nhân lái xe.

- Tổ chức tốt công tác vận tải xăng dầu bảo đảm nguồn cho các đơn vị được Tập đoàn giao nhiệm vụ, khai thác thêm nhu cầu vận tải ngoài nhiệm vụ.

- Kinh doanh xăng dầu các đơn vị cần phải năng động, sáng tạo trong kinh doanh, chủ động bám sát thị trường; tổ chức tốt công tác lập đơn hàng và bảo đảm nguồn để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Tăng cường các giải pháp tiếp thị, cơ chế bán hàng nhằm thu hút khách hàng ở cửa hàng. Đồng thời nâng cao văn minh thương mại phục vụ tốt khách hàng, thực hiện cơ chế thương khuyến khích đối với cửa hàng để gia tăng sản lượng bán lẻ, nâng cao năng suất lao động

- Tiếp tục triển khai toàn bộ các cửa hàng của Công ty về nhận diện thương hiệu Petrolimex, thực hiện tốt 5S tại cửa hàng theo hướng dẫn của Tổng công ty.

- Đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngành.

3.3. Công tác tài chính:

- Sử dụng hợp lý và có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của Tập đoàn và vốn vay để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đặc biệt là thời điểm khi cần tăng tồn kho hàng hoá.

- Tăng cường công tác kiểm soát công nợ, bảo đảm an toàn tài chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu từ chi phí văn phòng, sử dụng lao động hợp lý, công tác đầu tư, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả.

3.4. Công tác quản trị nội bộ:

- rà soát để bổ sung hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty phù hợp với các quy định mới của Nhà nước, Tập đoàn và Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex.

- Tiếp tục rà soát, khảo sát các định mức chi phí vận tải đảm bảo hợp lý để nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời tạo động lực cho lái xe, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác phương tiện

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cơ sở đảm an toàn tuyệt đối mọi mặt trong hoạt động SXKD, đồng thời tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Khai thác tốt ứng dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP để kịp thời đưa ra những quyết định chính xác về công tác quản trị.

3.5. Công tác tiền lương: Tiền lương tiếp tục được xác định gắn với NSLĐ và hiệu quả; thực hiện nguyên tắc NSLĐ tăng thì tiền lương tăng, NSLĐ giảm thì tiền lương giảm.

3.6. Công tác đầu tư: Tiếp tục đầu tư đổi mới nâng cao chất lượng phương tiện vận tải và thay thế các xe đã quá cũ/sắp hết niên hạn sử dụng; tiếp tục triển khai để hoàn thiện các thủ tục dự án đầu tư cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

Trên đây là kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021 báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây.

Trân trọng cảm ơn và kính chúc các quý vị đại biểu, các quý cổ đông mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công./.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Đức Bình
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Bình



Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY NĂM 2020

Kính thưa: - Các quý vị Cổ đông, Các quý vị Đại biểu !

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (Sau đây viết tắt là Công ty), tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 và kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2021 như sau:

PHẦN I

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý điều hành Công ty theo các quy định hiện hành có liên quan, theo Kế hoạch kiểm tra, giám sát đã trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18/6/2020 và theo tình hình thực tế tại Công ty, như sau:

- Thực hiện giám sát việc quản lý điều hành và kiểm tra giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.

- Thẩm định Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính 6 tháng và 12 tháng năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt.

- Thành viên Ban kiểm soát thực hiện có trách nhiệm và có kết quả công tác kiểm tra, giám sát theo phân công nhiệm vụ; Bám sát kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm tài chính 2020 để triển khai thực hiện: Thực hiện kiểm tra việc thực hiện các quy định của Công ty Tổng công ty trong hoạt động vận tải xăng dầu; Thực hiện kiểm tra Chi nhánh PTS Hòa Bình và khối cửa hàng xăng dầu trực thuộc Công ty, Chi nhánh kịp thời có ý kiến chấn chỉnh những tồn tại, sai sót để không ảnh hưởng đến thị phần vận tải, thị phần xăng dầu và uy tín của Công ty.

- Trong năm 2020 Ban kiểm soát tổ chức họp 03 lần, thực hiện đàm bảo chế độ họp định kỳ theo quy định; Kiểm soát viên phân tích, đánh giá kỹ tình hình quản lý

điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty và thường xuyên trao đổi giữa các thành viên Ban kiểm soát để phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

- Thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị và các phiên họp của Giám đốc điều hành có liên quan đến chức trách, nhiệm vụ của từng thành viên Ban kiểm soát theo phân công nhiệm vụ.

PHẦN II KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

I/ Thẩm định báo cáo tài chính:

Ban kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt; Ban kiểm soát không có đề xuất điều chỉnh đối với số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và xác nhận số liệu trên Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2020, phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan.

- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong báo cáo tài chính năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	DVT	31/12/2020	
			Cty Mẹ	Hợp nhất
I	Tổng tài sản			102.577
1	Tài sản ngắn hạn	Tr đồng		22.251
2	Tài sản dài hạn	Tr đồng		80.326
3	Lợi thế thương mại	Tr đồng		
II	Tổng nguồn vốn			102.577
1	Nợ phải trả	Tr đồng		52.352
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	Tr đồng		50.225
3	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tr đồng		
III	Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần		0,66
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần		0,37
IV	Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%		51,04
2	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%		48,96
V	Khả năng sinh lợi			
	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng		3.675
1	ROE (Ty suất LNST/Vốn chủ sở hữu)	%		7,32
2	ROA(Ty suất LNST/Tổng tài sản)	%		3,58
VI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng		1.049

II/ Kết quả triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và một số nhiệm vụ trọng tâm:

1. Kết quả báo cáo hợp nhất năm:

- Sản lượng vận chuyển xăng dầu đạt 49,78 triệu m³ km, bằng 102% so kế hoạch và giảm 5% so với năm 2019.

- Sản lượng xăng dầu tiêu thụ 26.819m³, đạt 109% kế hoạch, bằng 81% thực hiện năm 2019.

- Doanh thu đạt 424.060 triệu đồng, đạt 117% kế hoạch, bằng 68% thực hiện năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 4.650 triệu đồng, đạt 109% kế hoạch, bằng 80% thực hiện năm 2019; Lợi nhuận sau thuế đạt 3.675 triệu đồng (Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ bình quân 10,49%; Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu 7,25%).

- Cơ cấu lợi nhuận của từng loại hình kinh doanh như sau: Vận tải 2.482 triệu đồng chiếm tỷ trọng 53,38%; Xăng dầu 1.747 triệu đồng chiếm 37,57%; Dầu mỡ nhớt, gas, vật tư... 421 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 3.675 triệu đồng bằng 79,43% thực hiện năm 2019.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 10,49%.

- Cổ tức dự kiến chi trả 8%.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD:

***Đánh giá 2 lĩnh vực kinh doanh chính:**

***) Kinh doanh vận tải:**

- Sản lượng vận chuyển 12 tháng năm 2020 đạt 102% kế hoạch, giảm 5% so với năm 2019 do sản lượng vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Điện Biên tăng 3%, sản lượng vận chuyển cho Công ty Xăng dầu Hà Sơn bình giảm 1%, sản lượng vận chuyển cho Petrolimex Lào giảm 69%; Vận chuyển xăng dầu cho Petrolimex Lào giảm gấp 10 lần do ảnh hưởng dịch Covid-19 phải cách ly khi xuất nhập cảnh, xe phải chờ đợi nhiều ảnh hưởng ngày xe vận doanh.

- Giá thành vận tải 12 tháng 2020 là 1.816 đ/m³.km tăng 122 đ/m³.km so với kế hoạch; Giảm 11% so với cùng kỳ 2019 chỉ phí vận tải tăng, giảm so với cùng kỳ chủ yếu do chi phí khấu hao TSCĐ tăng 6%, chi phí xăng lốp tăng 11%, chi phí nhiên liệu giảm 31%, chi phí khác giảm 37%... do Công ty thực hiện sửa đổi định mức nhiên liệu, chi phí sửa chữa, định ngạch xăng lốp đã tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh.

***) Kinh doanh xăng dầu:**

- Sản lượng bán lẻ đạt 105% kế hoạch, bằng 100% so với cùng kỳ 2019; Sản lượng bán khác đạt 264% so với kế hoạch 2020, giảm 83% so với cùng kỳ do chậm dứt bán hàng theo phương thức nhượng quyền thương mại.

- Năng suất lao động bình quân đạt 28,33 m³/người/tháng, tăng 0,83 m³/người/tháng so với cùng kỳ năm 2019; Cụ thể các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn Hà Nội là 35,23 m³/người/tháng, các cửa hàng trên địa bàn Hòa Bình là 15,94 m³/người/tháng.

- Lợi nhuận kinh doanh xăng dầu chủ yếu do hoạt động bán lẻ xăng dầu mang lại.

- Chi phí kinh doanh xăng dầu 791 đồng/lít giảm 35 đồng/lít so với cùng kỳ 2019, chủ yếu do chi phí sửa chữa TSCĐ giảm 18 đồng/lít, Chi phí quản lý giảm 95 đồng/lít, chi phí lãi vay giảm 8 đồng/lít so với cùng kỳ; Chi phí kinh doanh xăng dầu giảm do Công ty trú trọng và thực hiện có kết quả chương trình tiết kiệm, chống lãng phí.

III/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ, tập trung thực hiện mục tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; Chỉ đạo, giám sát chặt chẽ Ban điều hành thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, quyết tâm giữ vững thị phần đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh; Chỉ đạo, điều hành việc rà soát, phân tích, đánh giá, triển khai thực hiện tiết kiệm chi phí kinh doanh vận tải và kinh doanh xăng dầu để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty thực hiện rà soát, ban hành mới, ban hành sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ Công ty, cho phù hợp với các quy định của Nhà nước, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng công ty Dịch vụ xăng dầu Petrolimex và tình hình thực tiễn tại Công ty.

- Trong năm 2020, hoạt động quản trị điều hành của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác không có dấu hiệu bất thường nào.

2. Kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm:

- Hoàn thành phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2019.

- Hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận của Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; Tình hình tài chính Công ty lành mạnh, quản lý và sử dụng vốn điều lệ và các nguồn vốn tài trợ khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn và tăng trưởng vốn.

- Công ty thực hiện đầu tư trong năm là 4.956 triệu đồng, trong đó đầu tư 02 xe ô tô sitec chở xăng dầu giá trị 4.797 triệu đồng; Quá trình đầu tư thực hiện đúng quy định, đúng quy định về trình tự, thủ tục, đảm bảo không để lãng phí thất thoát nguồn vốn đầu tư.

- Đến thời điểm 31/12/2020 công nợ khách hàng là 10.151 triệu đồng so với cùng kỳ 2019 giảm 2.653 triệu đồng, trong đó công nợ vận tải là 8.631 triệu đồng, công nợ bán xăng dầu là 1.202 triệu đồng, Công nợ khác là 318 triệu đồng; Công ty đã thu hồi dứt điểm công nợ khách hàng bán theo phương thức nhượng quyền thương mại. Đến thời điểm 31/12/2020 không có phát sinh công nợ dây dũa khó đòi, mất khả năng thanh toán.

IV/Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác:

- Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác đã cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ: Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý tuân thủ theo các quy định hiện hành và đảm bảo lợi ích của Công ty và các Cổ đông.

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã phối hợp với các phòng nghiệp vụ Công ty triển khai công tác kiểm tra tại Chi nhánh PTS Hòa Bình và các cửa hàng xăng dầu trực thuộc. Qua công tác kiểm tra, Ban kiểm soát đã thông báo kết quả kiểm tra với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề còn tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản trị điều hành.

V/Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2021:

- Giám sát quá trình và kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

- Giám sát việc giao và tổ chức thực hiện kế hoạch tại Công ty và Chi nhánh PTS Hòa Bình: Tiếp tục tham gia trực tiếp hoạt động đầu tư của Công ty.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị điều hành kinh doanh vận tải, kinh doanh xăng dầu và kinh doanh tổng hợp tại Công ty và các đơn vị trực thuộc: Phân tích đánh giá tình hình thực hiện chỉ phí kinh doanh; Phân tích, đánh giá, phân loại các khoản công nợ phải thu, phải trả; Kiểm tra, giám sát việc thu, nộp và chuyển tiền hàng; Thực hiện phân tích, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng vốn tại Công ty, Chi nhánh PTS Hòa Bình.

- Thẩm định, phân tích đánh giá tính minh bạch, trung thực, chính xác của các báo cáo trong Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị giữa niên độ kế toán và 12 tháng năm 2020 của Công ty và Chi nhánh PTS Hòa Bình.

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chế độ tài chính kế toán, thống kê tại Công ty và Chi nhánh PTS Hòa Bình.

- Thực hiện công tác kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tại Chi nhánh PTS Hòa Bình và các Cửa hàng xăng dầu trực thuộc để kịp thời, khắc phục những vấn đề còn tồn tại, báo sẽ kiến nghị hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Thực hiện kiểm tra việc chấp hành các nội quy, quy định của Công ty/Tổng công ty trong hoạt động kinh doanh vận tải.

PHẦN III MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Năm 2021 trên thế giới đã thực hiện tiêm vắc-xin phòng chống dịch bệnh Covid-19 và triển khai ở nhiều nước được đánh giá có kết quả khả quan. Trong nước dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, dập dịch tốt không để lây lan ra cộng đồng; Kinh tế trong nước dự báo tăng trưởng tương đối tốt... Với các điều kiện đó, để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh Đại hội đồng cổ đông giao Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị Công ty một số ý kiến như sau:

- Đối với kinh doanh vận tải: Phát huy các mối quan hệ đã được tạo lập thuận lợi với các công ty xăng dầu thuộc nội bộ Tập đoàn giữ vững thị phần vận tải đã được Tổng công ty/Tập đoàn giao, có cách thức hành động phù hợp lấy lại lại thị phần vận tải đã bị xâm lấn; Trú trọng công tác sửa chữa thường xuyên, đảm bảo duy trì năng lực, chất lượng sử dụng phương tiện vận tải để đáp ứng nhu cầu vận tải; Tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí vận tải để gia tăng lợi nhuận; Tăng cường công tác kiểm tra đội xuất và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm nội quy, quy định của Công ty/Tổng công ty trong hoạt động kinh doanh vận tải, nâng cao chất lượng dịch vụ và uy tín của Công ty.

- Đối với kinh doanh xăng dầu: Thực hiện quảng cáo, tiếp thị thu hút khách hàng mua xăng dầu tại các cửa hàng xăng dầu; Thực hiện các biện pháp thích hợp khác để tăng năng suất lao động bán lẻ đầy là vấn đề cần thiết trong điều kiện kinh doanh xăng dầu hiện nay tại Công ty để đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu có hiệu quả, gia tăng lợi nhuận.

- Khai thác và quản lý sử dụng an toàn hiệu quả các loại nguồn vốn huy động. Sử dụng an toàn và tăng cường nguồn vốn huy động từ các cổ đông. Sử dụng linh hoạt, phù hợp nguồn vốn trong thanh toán, nhất là nguồn vốn được tài trợ từ nội bộ Tập đoàn; Theo dõi, đảm bảo an toàn phương tiện vận tải, hàng hóa vận chuyển; Thực hiện an toàn phòng chống cháy nổ tại các cửa hàng xăng dầu; Đảm bảo tồn kho hàng hoá xăng dầu hợp lý theo từng chu kỳ giá; Kịp thời thu hồi công nợ và hoàn chuyển tiền bán hàng hoá, dịch vụ không để tồn đọng; Tiếp tục coi trọng xây dựng và thực hiện tốt chương trình tiết kiệm chi phí kinh doanh vận tải, xăng dầu và quản lý chặt chẽ, chống lãng phí, thất thoát trong công tác đầu tư.

Thay mặt Ban kiểm soát tôi xin chúc các Quý vị Cổ đông, các Quý vị Đại biểu sức khỏe, thành công và hạnh phúc!

Nơi nhận:

- HĐQT, Ủy (thay ủy) viên;
- HĐQT, Ban GD công ty;
- Các Cổ đông;
- Lưu VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



CHU ĐỨC HẬU



Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrokimex Hà Tây

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrokimex Hà Tây

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrokimex Hà Tây được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung và thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ các tiêu thức lựa chọn và danh sách Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrokimex Hà Tây như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết năm 2020;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất

Căn cứ các tiêu thức trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các công ty kiểm toán sẽ được lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrokimex Hà Tây là:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Đại hội đồng cổ đông xem xét và ủy quyền HĐQT Công ty quyết định lựa chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Thay mặt Ban kiểm soát tôi xin chúc các Quý vị Cổ đông, các Quý vị Đại biểu sức khỏe, thành công và hạnh phúc !

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



CHU ĐỨC HẬU



PETROLIMEX

-----oOo-----

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020

I. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận:

- Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
- Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-ĐHĐCĐ đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/6/2020;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt;
- Căn cứ kết quả SXKD thực hiện năm 2020.

II. Số liệu phân phối cụ thể như sau:

1/Tổng Lợi nhuận sau thuế: 3.676.022.067 đồng

Trong đó:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020: 3.674.852.067 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế còn lại năm trước chưa phân phối: 1.170.000 đồng.

2/ Phân phối lợi nhuận

2.1/ Chia trả cổ tức năm

- Mức chia cổ tức năm 2020 là 8% bằng tiền, tổng số tiền trả cổ tức là 2.802.531.200 đồng (người sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được nhận 800 đồng).
- Thời gian thực hiện chia cổ tức năm 2020 bằng tiền: Quý III năm 2021

2.2/ Phân phối các quỹ:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 656.013.867 đồng

Trong đó:

- + Quỹ khen thưởng: 200.000.000 đồng
- + Quỹ phúc lợi: 456.013.867 đồng

- Quỹ khen thưởng Người quản lý công ty: 217.477.000 đồng (mức thưởng bằng 1 tháng lương/thù lao của NQL theo danh sách đính kèm)

Kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây thông qua.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

**BÁO CÁO QUỸ TIỀN THƯỜNG
CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2020**

STT		Chức danh	Mức lương/thù lao cơ bản BQ (tr.đ/th)	Mức lương/thù lao thực hiện (tr.đ/th)	Số tháng được hưởng	Tiền lương/thù lao thực hiện (tr.đ/th)	Thưởng 1 tháng lương/thù lao (tr.đ/th)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)x(6)	(8)
						577.266	48.105
1	Đào Hồng Quân (tr)						
1	Đào Đức Cường	Chủ tịch HĐQT	30.000	37.320	12	447.840	37.320
2	Trần Quang Tuấn	UV HĐQT kiêm nhiệm	21.675	5.393	12	64.713	5.393
3	Đỗ Trung Đức	UV HĐQT kiêm nhiệm	21.675	5.393	12	64.713	5.393
8	Ban Kiểm soát					420.626	35.052
1	Đỗ Đức Hải	Trưởng BKS ch/trách	21.675	26.964	12	323.564	26.964
2	Nguyễn Văn Chí	TV BKS kiêm nhiệm	16.255	4.044	12	48.531	4.044
3	Trần Thị Nhung	TV BKS kiêm nhiệm	16.255	4.044	12	48.531	4.044
10	Ban Điều hành					1.611.830	134.319
1	Nguyễn Tử Bình	UV HĐQT, GD/Phó GD		28.352		340.218	28.352
		* Giám đốc	25.500	31.722	3,5	111.027	
		* Phó giám đốc	21.675	26.964	8,5	229.191	
2	Nguyễn Tiến Cường	UV HĐQT Phó giám đốc	21.675	26.964	12	323.564	26.964
3	Bùi Văn Thương	Phó giám đốc	21.675	26.964	12	323.564	26.964
4	Đặng Tử Oanh	Phó giám đốc	21.675	26.964	12	323.564	26.964
5	Nguyễn Tài Vui	Kế toán trưởng	20.158	25.077	12	300.919	25.077
	TỔNG CỘNG					2.609.722	217.477

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021



PETROLIMEX

BÁO CÁO

Về quỹ tiền lương và thù lao của các thành viên HĐQT,
các thành viên Ban kiểm soát và Người quản lý Công ty năm 2020

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây**

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;

Căn cứ Nghị quyết 84/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/6/2020 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây về việc thông qua phương án trả thù lao cho các thành viên HĐQT và các thành viên BKS năm 2020 và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty năm 2020;

HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua Báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao đối với các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và Người quản lý Công ty năm 2020 như sau:

1. Mức lương và thù lao của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Người quản lý Công ty kế hoạch năm 2020 là: **2.549,98 triệu đồng.**

Trong đó:

- Tổng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của thành viên HĐQT năm 2020 là: 567.676 triệu đồng.

- Tổng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của thành viên Ban KS năm 2020 là: 413.638 triệu đồng.

- Tổng quỹ tiền lương của Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng) năm 2020 là: 1.568.675 triệu đồng.

2. Quỹ tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Người quản lý Công ty thực tế chi trả năm 2020 là: **2.443,2 triệu đồng**

(Có báo cáo chi tiết về quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Người quản lý Công ty kèm theo)

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2021 xem xét, thông qua.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN QUỸ TIỀN LƯƠNG, THỦ LAO, TIỀN THƯỜNG
CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2020**

A. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2020.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện: 3.675 triệu đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 50.224 triệu đồng.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 7,3 %

B. Quyết toán lương thực hiện năm 2020.

STT		Mức lương/thủ lao cơ bản (đ/tháng)	Mức lương/thủ lao thực hiện	Số tháng được hưởng	Số người	Tiết giảm do Covid	Tiền lương/thủ lao thực hiện (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(6)-
	I Tiền lương					166.483.000	2.216.753.000
1	Chức vụ HĐQT/CT kiểm GD	30.000.000	37.320.000	12	1	45.000.000	402.840.000
2	Giám đốc	25.500.000	31.722.000	12	1	25.309.000	314.903.000
3	Phó giám đốc	21.675.000	26.964.000	12	3	58.524.000	912.180.000
4	Kế toán trưởng	20.158.000	25.076.000	12	1	18.142.000	282.770.000
5	Trưởng Ban kiểm soát	21.675.000	26.964.000	12	1	19.508.000	304.060.000
	II Thủ lao					0	226.488.000
1	Cy viên HĐQT không ch/trách	4.335.000	5.393.000	12	2		129.432.000
2	Cy viên BKS không ch/trách	3.251.000	4.044.000	12	2		97.056.000
	TỔNG CỘNG					166.483.000	2.443.241.000

(Ghi chú: Trước 19/8/2020 Chủ tịch HĐQT kiểm GD công ty. Tách chức danh Giám đốc từ 19/8/2020)



Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT,
thành viên Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;

Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ văn bản số 026/PTC-HĐTV ngày 06/03/2019 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex về tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho người quản lý;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;

Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về phương án trả lương, thù lao cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty năm 2021 (Thực hiện quyết toán theo tình hình thực tế), như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT năm 2021 là: 581,592 triệu đồng.
2. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của Ban kiểm soát năm 2021 là: 423,792 triệu đồng.
3. Quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành (Ban giám đốc, Kế toán trưởng) năm 2021 là: 1.664,667 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

KẾ HOẠCH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THỦ LAO
CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2021

A. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2021.

- Lợi nhuận sau thuế kế hoạch: 3.800 triệu đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 50.000 triệu đồng.
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu kế hoạch : 7,6%

B. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021.

STT	Chức danh	Mức lương/thủ lao cơ bản (đ/tháng)	Mức lương/thủ lao kế hoạch (đ/tháng)	Số người	Số tháng	Quỹ lương, thủ lao kế hoạch (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)
	A. Tiền lương					2.441.859.000
1	Hội đồng HĐQT	30.000.000	37.600.000	1	12	451.200.000
2	Kiểm toán	25.500.000	31.960.000	1	12	383.520.000
3	Phụ giúp việc	21.675.000	27.166.000	3	12	977.976.000
4	Nhà sản xuất	20.158.000	25.265.000	1	12	303.171.000
5	Trưởng ban kiểm soát	21.675.000	27.166.000	1	12	325.992.000
	B. Thủ lao					228.192.000
1	Cy viên HĐQT không chuyên trách	4.335.000	5.433.000	2	12	130.392.000
2	Cy viên BKS không chuyên trách	3.251.000	4.075.000	2	12	97.800.000
	TỔNG CỘNG					2.670.051.000



Hà Nội, Ngày tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động và Quy chế quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;

Trên cơ sở Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán mới và các văn bản quy phạm pháp luật khác có hiệu lực từ 01/01/2021, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty trọng yếu được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Dự thảo Điều lệ tổ chức hoạt động công ty và Quy chế quản trị nội bộ công ty được đính kèm tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của công ty. Quý cổ đông có thể tham khảo tại Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được đăng tại website của Công ty. Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung và Quy chế quản trị nội bộ công ty sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua!



T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Handwritten signature)



Hà Nội, Ngày tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua sửa đổi và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;

Trên cơ sở Luật doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2021, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành cần được xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty đã được Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung và trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung và ủy quyền Hội đồng quản trị ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



[Handwritten signature]
CHỦ TỊCH
Lê Đức Cường



Hà Nội, Ngày tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua sửa đổi và ban hành Quy chế hoạt động của
Ban kiểm soát Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;

Trên cơ sở Luật doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2021, Ban kiểm soát nhận thấy một số điều khoản tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hiện hành cần được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Nội dung chi tiết các điểm sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty đã được Ban kiểm soát sửa đổi, bổ sung và trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung và ủy quyền Ban kiểm soát ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Trân trọng!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Chu Đức Hậu



Hà Nội, Ngày tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc: Phê duyệt ký kết Hợp đồng mua bán xăng dầu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Căn cứ quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với cổ đông lớn;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, kinh doanh của công ty;

Giám đốc Công ty đã đàm phán và hoàn thiện Hợp đồng nguyên tắc mua bán xăng dầu giữa Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây và Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex (Công ty mẹ). Cụ thể như sau:

- Tên hợp đồng: **Hợp đồng nhượng quyền thương mại.**
- Bên nhượng quyền: Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex;
- Bên nhận quyền: Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;
- Phạm vi công việc: Mua bán các mặt hàng xăng dầu (theo cơ chế kinh doanh xăng dầu của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam);
- Thời gian thực hiện Hợp đồng: Từ ngày 01/01/2021;
- Số lượng hàng hóa dự kiến là 2.500 m³ xăng dầu/tháng (+,-10%);

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



[Handwritten signature]
CHỦ TỊCH
Lê Đức Cường

**TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**



PETROLIMEX

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

Tháng 4 năm 2021

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ
PETROLIMEX HÀ TÂY



Tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	7
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ..	7
Điều 3. Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh của Công ty	7
Điều 4. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.....	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP.....	8
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu.....	9
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 9. Thu hồi cổ phần	10
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	11
Điều 11. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	11
CHƯƠNG VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG.....	11
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 15. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Hình thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23

Điều 22. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.....	24
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	33
Điều 33. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	34
Điều 34. Thư ký công ty.....	37
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	38
Điều 36. Người điều hành Công ty.....	38
Điều 37. Giám đốc Công ty.....	38
Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc.....	39
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc.....	39
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....	40
Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	40
Điều 41. Thành phần Ban Kiểm soát.....	40
Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên.....	41
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	41
Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	43
Điều 45. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	44
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC.....	44
Điều 47. Trách nhiệm của người quản lý công ty.....	44
Điều 48. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	45
Điều 49. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát.....	46



Điều 50. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	47
Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	48
Điều 52. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	49
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	49
Điều 53. Quyền điều tra cứu sổ sách và hồ sơ	49
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	50
Điều 55. Phân phối lợi nhuận.....	50
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	51
Điều 56. Tài khoản ngân hàng	51
Điều 57. Năm tài chính	51
Điều 58. Chế độ kế toán	52
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	52
Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	52
Điều 60. Báo cáo thường niên	53
Điều 61. Kiểm toán	53
CHƯƠNG XVI. ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON	53
Điều 62. Đơn vị phụ thuộc và công ty con	53
Điều 63. Mối quan hệ giữa công ty với các đơn vị phụ thuộc.....	53
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	54
Điều 64. Con dấu	54
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP	54
Điều 65. Giải thể công ty	54
Điều 66. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.....	54
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	55
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	55
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	56
Điều 68. Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	56
Điều 69. Ngày hiệu lực.....	56
PHỤ LỤC 01	58

PHẦN MỞ ĐẦU


Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 15 tháng 04 năm 2021.

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây*" trong Điều lệ này gọi tắt là Công ty;
2. "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
3. "*Người quản lý doanh nghiệp*" là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.
4. "*Cổ đông*" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
5. "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
6. "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
7. "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
8. "*Người có liên quan*" là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán;
9. "*Thời hạn hoạt động*" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này;
10. "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
11. "*Cổ tức*" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.



12. “Địa chỉ liên lạc” là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ hộ khẩu thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc.

13. “Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần” là giá giao dịch trên thị trường cao nhất ngày hôm trước, giá thỏa thuận giữa người bán và người mua, hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

14. “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho Công ty ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp.

15. “Góp vốn” là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của Công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập.

16. “Vốn có quyền biểu quyết” là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

17. “Cổ phần đã bán” là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Công ty. Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, cổ phần đã bán là tổng số cổ phần các loại đã được đăng ký mua.

18. “Cổ phần được quyền chào bán của Công ty” là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn.

19. “Cổ phần chưa bán” là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán.

20. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

21. “Chào bán cổ phần” là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

22. “Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu” là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty.

Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên doanh nghiệp:

a) Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

b) Tên tiếng Anh: HATAY PETROLIMEX TRANSPORTATION AND SERVICE JOINT-STOCK COMPANY

d) Tên viết tắt: PTS HATAY

2. Biểu tượng: Công ty được sử dụng biểu tượng Petrolimex của Công ty mẹ, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.



PETROLIMEX

3. Loại hình doanh nghiệp: Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật của Việt Nam.

4. Trụ sở đăng ký của Công ty:

a) Địa chỉ: Km17 - Quốc lộ 6, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

b) Điện thoại: 0243 3535 228

c) Fax: 0243 3531 214

d) Website: www.ptshatay@petrolimex.com.vn

5. Các chi nhánh trực thuộc:

Chi nhánh Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình:

- Tên viết tắt: Chi nhánh PTS Hòa Bình

- Trụ sở đăng ký: Km47+800 Quốc lộ 6, Xã Lâm Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam.

6. Trừ trường hợp giải thể theo Điều 59 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh của Công ty



1. Mục tiêu kinh doanh của Công ty:

a) Gia tăng giá trị cho vốn góp của cổ đông, mang lại lợi ích cho người lao động, cộng đồng; nâng cao giá trị cuộc sống; góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

b) Nâng cao hiệu quả kinh doanh trên cơ sở đổi mới tổ chức, phương thức kinh doanh, cơ chế quản lý và điều hành, nâng cao năng lực kỹ thuật, công nghệ, nguồn nhân lực, tổ chức hợp lý thị trường, quản lý tốt quá trình hoạt động kinh doanh.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

a) Vận tải xăng dầu và hàng hóa;

b) Kinh doanh xăng dầu, dầu mỡ nhờn, gas, nước giặt và vật tư hàng hóa khác;

c) Đại lý bảo hiểm;

d) Dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải;

d) Xây lắp, sửa chữa các công trình xăng dầu, thiết bị xăng dầu và các công trình dân dụng khác;

e) Dịch vụ cho thuê kho, bãi;

g) Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

Điều 4. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của công ty là: 35.031.640.000 VND (Bằng chữ: Ba lăm tỷ không trăm ba một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.503.164 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác nhau sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được chi tiết tại Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong công ty trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty phát hành theo những cách thực được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác



Chúng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của công ty, sẽ được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu nêu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ tối đa không quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố vào thời điểm thu hồi, theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Giám đốc công ty.

Điều 11. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;



d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

f) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán.

g) Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

h) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

i) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.



3. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
3. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f) Tổng số tiền thù lao, thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

h) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;

l) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;

m) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

n) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

o) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

f) Lựa chọn công ty kiểm toán;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

5. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:



a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

6. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 12 của Điều lệ này; Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 12 của Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Tất cả chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.



2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực

tiếp hoặc thông qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của công ty sẽ không bị thay đổi khi công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 15 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với Luật pháp và các quy định của công ty;

d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

đ) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

g) Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.



3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên website của công ty, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên website của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ website để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:

- a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại Khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông;
- c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua;

d) Các trường hợp khác.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa vào kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình họp và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó. Kết quả biểu quyết được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử



b) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết, bầu cử trực tuyến và bỏ phiếu điện tử sẽ được nêu rõ trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Hình thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:



- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 22. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết được thực hiện bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết do vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;





d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số công ty;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm

phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.



j) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét triệu tập lại Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).



2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 29 Điều lệ công ty.

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại.

3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ) Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - đ) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;



i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý khác theo phân cấp về công tác tổ chức cán bộ của công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31

tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện vốn.

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;



- d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và quy chế của công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 33. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

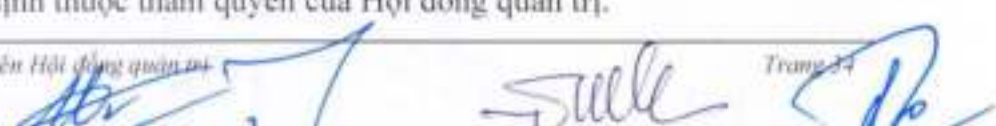
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.



5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;



- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

12. Biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu được quy định tại Khoản 1, Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

b) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

c) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

d) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp (ngoại trừ họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản) thì biên bản này có hiệu lực. Trường hợp này, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

Điều 34. Thư ký công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 35. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;



- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 36. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 37. Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số các Thành viên Hội đồng quản trị làm Giám đốc.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

4. Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc theo quy định tại Điều 38 Điều lệ này;
 - b) Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ.
3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương, quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty, cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.



CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Ban kiểm soát của công ty khác);
 - d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 41. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát Công ty có ba (03) Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát

phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Trưởng ban kiểm soát và có quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- 2. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- 3. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;
- 4. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- 5. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- 6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.
- 7. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.



2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tinh trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

16. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

17. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.



5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 45. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 46. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các Biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 47. Trách nhiệm của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 48. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.



Điều 49. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Giám đốc và người quản lý khác trên cơ sở kết quả và hiệu quả kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả trên nguyên tắc sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

b) Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá

tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác:

c) Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 50. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

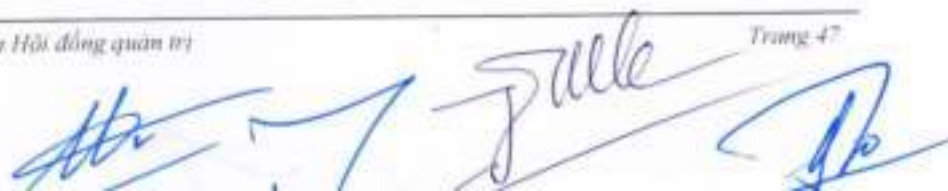
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội



đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giai trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 52. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 53. Quyền điều tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.





3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty sẽ phải lưu bản Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ giấy tờ này.

4. Điều lệ này phải được công bố trên Website của công ty.

CHƯƠNG XII.

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 54. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 55. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.



4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp công ty đã chuyển khoản theo đúng thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp, mà cổ đông đó không nhận được tiền thì Công ty không chịu trách nhiệm về khoản tiền đã chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch tại sở Giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ vào ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KÊ TOÁN

Điều 56. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

Điều 57. Năm tài chính

Năm Tài chính của công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch.



Điều 58. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BẢO CÁO TÀI CHÍNH, BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 59. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 61 Điều lệ này. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phân ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phân ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính của công ty phải được công bố trên website của công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của công ty, tại trụ sở chính của công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 60. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 61. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Ban kiểm soát. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVI. ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON

Điều 62. Đơn vị phụ thuộc và công ty con

Công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng Đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của công ty phù hợp với Nghị quyết được Hội đồng quản trị thông qua và quy định của Pháp luật.

Điều 63. Mối quan hệ giữa công ty với các đơn vị phụ thuộc

Các đơn vị phụ thuộc sẽ được báo cáo trong sổ kế toán của công ty, sẽ thực hiện công việc hoạt động, kinh doanh, duy trì sổ kế toán, tổ chức hoạt động của mình, quản lý nguồn nhân lực và tiến hành các hoạt động khác theo quy chế của công ty và quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị. Công ty sẽ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh dưới tên của các đơn vị phụ thuộc đó.



CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 64. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của công ty. Công ty có trách nhiệm thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII. GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP

Điều 65. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và công ty quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

3. Hồ sơ giải thể công ty theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể công ty.

5. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người quy định tại khoản 4 Điều này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể công ty đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.

6. Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 66. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty được chấm dứt hoạt động theo quyết định của công ty hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bao gồm:
- a) Quyết định của công ty về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - b) Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;
 - c) Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;
 - d) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;
 - đ) Con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có).
3. Người đại diện theo pháp luật của công ty và người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện bị giải thể liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.
4. Công ty có chi nhánh đã chấm dứt hoạt động chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
- a) Cổ đông với công ty; hoặc
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người quản lý khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.



2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 68. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 20 Chương, 69 Điều, được Đại hội đồng cổ đông công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 04 năm 2021.

2. Điều lệ được lập thành 11 bản, có giá trị như nhau, nơi gửi:

- Tổng công ty Dịch vụ Xăng dầu Petrolimex;
- Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát công ty;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của công ty. Các cổ đông, cá nhân liên quan, các đơn vị trực thuộc công ty có trách nhiệm tuân thủ và thi hành Điều lệ này.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị./.

**CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Lê Tự Cường

CÁC THÀNH VIÊN

VŨ QUANG TUẤN

NGUYỄN TIẾN CƯỜNG

NGUYỄN TỬ BÌNH

BÙI TRUNG ĐỊNH

PHỤ LỤC 01
CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY

STT	Năm	Vốn điều lệ (VNĐ)	Ghi chú
1	2000	6.000.000.000	Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập công ty
2	2003	6.500.000.000	Tăng vốn do nhận bàn giao tài sản kho Đồng Mai thuộc Công ty xăng dầu Hà Sơn Bình (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam)
3	2006	10.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và cổ đông hiện hữu
4	2009	16.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
5	2017	18.399.750.000	Trả cổ tức năm 2016 (tỷ lệ 15%) bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
6	2018	21.894.780.000	Trả cổ tức năm 2017 (tỷ lệ 19%) bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
7	2020	35.031.640.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

**TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**



PETROLIMEX

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hà Nội, tháng 4 năm 2021

Số: 128/QC-HĐQT-PTSHT

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2021



QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tài và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây.

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vận tài và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế quản trị Công ty cổ phần Vận tài và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;

- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;

- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

b) "Công ty" là Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây.

c) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

d) "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;

đ) "Người điều hành công ty" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

e) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

f) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

g) "Kiểm soát viên" là thành viên Ban kiểm soát

h) "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

i) "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán;

J) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;

k) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế quản trị công ty. Quy chế quản trị công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty.

CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý sau:

1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty; không thuộc thẩm quyền

3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành công ty.

4. Giám đốc công ty

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

CHƯƠNG III: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ công ty.

Điều 6. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Mục 2. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 7. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tọa:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d) Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

đ) Nhiệm vụ của Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

2. Thư ký đại hội:

a) Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

b) Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;

- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết/ bầu cử;

- Kiểm và ghi nhận kết quả biểu quyết/ bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết/ bầu cử;

- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết/ bầu cử cho thư ký;

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết/ bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết/ bầu cử.

4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

a) Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm ba (03) người, bao gồm một (01) Trưởng Ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.

b) Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự họp;

- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình đại biểu dự họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 9. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

Điều 10. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị thông báo ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 11. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Chương trình, nội dung Đại hội

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền.

Điều 14. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông lựa chọn hình thức tham dự họp theo hướng dẫn trong Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

a) Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông phải mang theo Giấy tờ chứng thực hợp pháp được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông để xác nhận tư cách Đại biểu.

b) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

c) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết

và/ hoặc phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/ bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó.

d) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 15. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 16. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung:

a) Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

b) Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Thẻ biểu quyết và/ hoặc các Phiếu biểu quyết và/ hoặc Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông), trên đó có ghi rõ số đăng ký mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

d) Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp. Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

đ) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết

a) Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát.

b) Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

c) Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;

- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

3. Các hình thức biểu quyết

a) Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

b) Biểu quyết bằng bỏ phiếu: Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu, đối với từng nội dung, đại biểu tham dự họp chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 17. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện số hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên tối đa có thể trúng cử;

Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên với số phiếu được chia đều cho từng ứng viên được lựa chọn, đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" của các ứng viên tương ứng;

Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" vừa ghi số lượng ở ô "Số phiếu bầu" thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô "Số phiếu bầu".

- Nguyên tắc trúng cử:

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b) Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Quy chế này.

Điều 18. Cách thức kiểm phiếu

1. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tân thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

2. Khi tiến hành biểu quyết/ bầu cử theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ các phiếu biểu quyết/ bầu cử vào hòm phiếu được niêm phong để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra lại số phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về so với số phiếu biểu quyết/ bầu cử phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về. Đối với các nội dung biểu quyết, số phiếu "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" và số phiếu không hợp lệ của từng nội dung biểu quyết sẽ được tổng hợp riêng và được ghi rõ trên biên bản kiểm phiếu.

Điều 19. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 20. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 21. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Cách thức phân đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trong trường

Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét triệu tập lại Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 23. Lập Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

j) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

Điều 24. Công bố biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo các phụ lục đính kèm khác (nếu có) đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định tại Điều 22 Quy chế này.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

Điều 25. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 7 Quy chế này.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

a) Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 9 và Điều 10 Quy chế này.

b) Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

a) Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b) Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c) Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a) Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 20 Quy chế này.

b) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 24 Điều lệ Công ty.

9. Cách thức phân đôi Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phân đôi Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy chế này.

10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 24 Quy chế này.

Mục 4. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 26. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 20 Quy chế này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

Điều 27. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Hội đồng quản trị thông báo ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

2. Chuẩn bị tài liệu, gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông.

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện tương tự quy định gửi thông báo mời họp tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty.

3. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của:

- Cổ đông cá nhân, hoặc
- Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức, hoặc
- Cá nhân được cổ đông ủy quyền, hoặc
- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được cổ đông ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức quy định tại khoản 5 Điều 23 Điều lệ Công ty.

4. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 23 Điều lệ Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Công bố biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Lưu tài liệu.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

CHƯƠNG IV: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 28. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiểm điều hành và các thành viên không điều hành. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 29. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 30 Điều lệ công ty.

Điều 30. Quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;

d) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc cổ đông lớn;

e) Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

f) Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp quy định tại Điều 51 Điều lệ Công ty.

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty, chi tiết như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của Hội đồng quản trị; điều khiển Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình;

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị; Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Giám đốc, Ban kiểm soát hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu,

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị; nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo tổ chức triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền

1. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt;

b) Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền;

c) Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền;

d) Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục 2. Quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 33. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

Điều 34. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 27 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy

có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại Khoản 1 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 34 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 35. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 33 Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 32 Quy chế này.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách giới thiệu ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 2 Điều này;

- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 32 Quy chế này.

Điều 36. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ học vấn;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Quá trình công tác;

đ) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

f) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

Điều 37. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện vốn.

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 39. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Mục 3. Quy định về cuộc họp Hội đồng quản trị

Điều 40. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

12. Biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu được quy định tại Khoản 1, Điều 154 Luật Doanh nghiệp.

b) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

c) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 41. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm.

3. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

c) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;

d) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

đ) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

f) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành công ty khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Và các trách nhiệm sau:

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông.

- Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Trường hợp vi phạm quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

3. Trường Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 43. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

16. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

17. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

Mục 2. Quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 44. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại Khoản 1 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 3 Điều 44 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 44 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 43 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Ban kiểm soát tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Quy chế này.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát sẽ chuẩn bị danh sách giới thiệu ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 2 Điều này;
- Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 40 Quy chế này.

Điều 46. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, việc công bố thông tin ứng viên Ban kiểm soát thực hiện tương tự quy định tại Điều 35 Quy chế này.

Điều 47. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty ;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện vốn.
 - d) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 49. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Mục 3. Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

Điều 50. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG VI: BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 51. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành

1. Bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Giám đốc và Phó Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

3. Kế toán trưởng của Công ty phải có điều kiện và tiêu chuẩn sau:

a) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

b) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán.

c) Có trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai năm.

d) Phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.

Điều 52. Quyền hạn và nhiệm vụ của người điều hành

1. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 39 Điều lệ công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Phó Giám đốc giúp Giám đốc trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công, ủy quyền.

Điều 44. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại Khoản 1 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 3 Điều 44 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 44 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 43 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Ban kiểm soát tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Quy chế này.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát sẽ chuẩn bị danh sách giới thiệu ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 2 Điều này;
- Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 40 Quy chế này.

Điều 46. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, việc công bố thông tin ứng viên Ban kiểm soát thực hiện tương tự quy định tại Điều 35 Quy chế này.

Điều 47. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 48. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty ;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện vốn.
- d) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên

3. Kế toán trưởng giúp Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành

1. Hội đồng quản trị miễn nhiệm người điều hành công ty trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 50 Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của công ty;

d) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc và các chức danh quản lý khác khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm người điều hành mới thay thế.

Điều 54. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin nội bộ để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc tư lợi cá nhân khác để thực hiện các

Điều 56. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 57. Giao dịch với cổ đông, người điều hành công ty và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;

b) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

CHƯƠNG VIII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 58. Nghĩa vụ công bố thông tin

Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 59. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 54 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 60. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty có trách nhiệm sau:
 - a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG IX: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 61. Giám sát về quản trị công ty

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát nội dung liên quan đến quản trị công ty của các công ty theo quy định của pháp luật.
2. Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện quy định quản trị công ty quy định tại Quy chế này.
3. Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Trường hợp công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan không tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều này bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 62. Xử lý vi phạm

Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán

CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 63. Sửa đổi bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 64. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm X chương, 64 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây thống nhất thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 04 năm 2021.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được uỷ quyền.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Nơi nhận:

- TV HĐQT, Ban KS;
- Ban GD công ty;
- Các phòng NV công ty;
- Lưu: VT, TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Lê Tự Cường

**TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**



PETROLIMEX

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hà Nội, tháng 4 năm 2021

Số: ~~129~~ /QC-HĐQT-PTSHT

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2021



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng

quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

ngày nhận được đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện vốn.

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 9. Cách thức đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy

đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu đơn phiếu hoặc phương thức khác theo quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty

để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý khác theo phân cấp về công tác tổ chức cán bộ của công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị. Quy chế nội bộ về

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện

bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Chương IV **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

Trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau, phải đảm bảo mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội

đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung

hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 17. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành

cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm có 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2021. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với quy chế này.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:

- TV HĐQT, Ban KS;
- Ban GD công ty;
- Các phòng NV công ty;
- Lưu: VT, TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tự Cường

**TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ XĂNG DẦU PETROLIMEX
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**



PETROLIMEX

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hà Nội, tháng 4 năm 2021

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện nghĩa vụ giám sát việc quản trị, điều hành Công ty theo quy định của pháp luật; Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty; Chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông trong việc thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ được giao.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông và các quy định có liên quan.

3. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo lĩnh vực công việc được phân công của từng Kiểm soát viên. Kiểm soát viên được quyền bảo lưu ý kiến trong quá trình tổ chức thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ.

4. Hoạt động giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát không làm cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không làm thiệt hại đến lợi ích của Công ty và cổ đông.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Điều 7. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều 12 của Quy chế này, cụ thể:

1. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên. Quản lý, chỉ đạo các kiểm soát viên thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được giao.
2. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
3. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công

ty.

4. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết của Ban giám đốc, được quyền phát biểu ý kiến, kiến nghị nhưng không được biểu quyết.

5. Là đầu mối tiếp nhận thông tin, đảm bảo các Kiểm soát viên nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát cần phải xem xét.

6. Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát gửi đến Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

7. Ủy quyền cho một kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

8. Đảm bảo các điều kiện, phương tiện cần thiết cho công tác giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát.

9. Thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu hoặc phương thức khác theo quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thay đổi người đại diện vốn.

d) Cổ đơn từ chức và được chấp thuận;

đ) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 14. Bảo mật thông tin

1. Các Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ nghiêm chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Các Kiểm soát viên xử lý thông tin, tài liệu có được trong phạm vi theo thẩm quyền được phân công với sự cẩn trọng cần thiết.

3. Các Kiểm soát viên không được tiết lộ thông tin, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các thông tin, tài liệu khác liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mà

Công ty chưa công bố ra bên ngoài.

4. Các Kiểm soát viên nêu vi phạm nguyên tắc hoạt động, chế độ bảo mật thông tin gây thiệt hại cho doanh nghiệp hoặc người khác thì phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại (tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, quy mô thiệt hại), hoặc có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 2 của Quy chế này.

2. Cuộc họp đầu tiên của Ban kiểm soát phải được tổ chức trong vòng 07 ngày sau bầu cử Ban kiểm soát. Cuộc họp này do Kiểm soát viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một Kiểm soát viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các Kiểm soát viên sẽ bầu một người trong số họ theo nguyên tắc đa số để triệu tập họp Ban kiểm soát.

3. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất 06 tháng một lần và họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất, cấp bách của Công ty do Trưởng Ban kiểm soát chủ trì. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b) Giám đốc.
- c) Ít nhất 03 (ba) thành viên Hội đồng quản trị.
- d) Trưởng Ban kiểm soát
- đ) Ít nhất 02 (hai) Kiểm soát viên.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường tại khoản 3 nêu trên, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau 02 lần đề nghị mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập được cuộc họp Ban kiểm soát bất thường thì Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên phải có ngay văn bản báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để giải quyết những tồn tại, vướng mắc.

5. Các cuộc họp của Ban kiểm soát được tiến hành tại Văn phòng Công ty hoặc

tại một địa điểm khác theo sự thống nhất chung của Kiểm soát viên.

Điều 16. Trình tự tiến hành họp Ban kiểm soát

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban kiểm soát đều phải được chuẩn bị trước; Trưởng Ban kiểm soát căn cứ mục đích, yêu cầu, nội dung... cuộc họp để phân công cho các Kiểm soát viên chuẩn bị nội dung, tài liệu cho cuộc họp.

2. Thông báo mời họp Ban kiểm soát (trừ họp bất thường) phải được gửi đến từng Kiểm soát viên theo phương thức phù hợp trước khi họp. Thông báo mời họp cần nêu rõ về: Thời gian, địa điểm, nội dung, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp. Trưởng họp kiểm soát viên không thể dự họp, có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp.

3. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 02 (hai) Kiểm soát viên trở lên tham dự. Trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát có thể mời thêm đại biểu (không phải là kiểm soát viên) tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát.

4. Trường hợp cuộc họp của Ban kiểm soát được triệu tập nhưng không đủ số Kiểm soát viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp tiếp lần thứ hai trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Sau hai lần triệu tập họp vẫn không đủ số Kiểm soát viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để Đại hội đồng cổ đông xem xét về tư cách của các Kiểm soát viên.

5. Nội dung cuộc họp của Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản, có chữ ký của chủ tọa và thư ký. Riêng các nội dung quan trọng phải được các Kiểm soát viên thông qua quy định tại Điều 12 Quy chế này.

Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Điều 18. Thông qua quyết định quan trọng của Ban kiểm soát

1. Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết. Mọi quyết định quan trọng của Ban kiểm soát phải được thông qua bằng đa số tuyệt đối của thành viên Ban kiểm soát.

biểu quyết của mình bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác trong Ban kiểm soát thực hiện biểu quyết.

2. Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định thì không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của Kiểm soát viên khác trong Ban kiểm soát để biểu quyết vấn đề đó.

3. Nếu có nghi ngờ nào phát sinh tại cuộc họp Ban kiểm soát liên quan đến quyền lợi của Kiểm soát viên liên quan đến quyền được biểu quyết của Kiểm soát viên và nghi ngờ đó không được Kiểm soát viên đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì sẽ được chuyển đến chủ tọa cuộc họp xem xét. Phán quyết của chủ tọa có giá trị quyết định.

4. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định thì quyết định này được coi là có giá trị tương đương với quyết định được thông qua tại một cuộc họp Ban kiểm soát.

Điều 19. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 20. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng

cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trường Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 23. Mọi quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 24. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm có 07 chương, 25 điều và có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2021. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với quy chế này..

2. Những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty mà chưa được nêu trong Quy chế này, hoặc có văn bản pháp luật mới và/hoặc Điều lệ Công ty/hoặc Quy chế quản trị Công ty điều chỉnh thì thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



CHỖ ĐỨC HẬU